

Số: 28/QĐ - HĐQT

Kiến An, ngày 22 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Điều lệ đã được sửa đổi, bổ sung
của Công ty Cổ phần công trình công cộng và Xây dựng Hải Phòng**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VÀ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần công trình công cộng và Xây dựng Hải Phòng;

Căn cứ Công văn số 6273/UBND-KTĐN ngày 08/9/2021 về việc chủ sở hữu vốn Nhà nước cho ý kiến về Dự thảo sửa đổi Điều lệ, các Quy chế hoạt động của Công ty Cổ phần công trình công cộng và Xây dựng Hải Phòng;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần công trình công cộng và Xây dựng Hải Phòng số 35/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là bản Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Công trình công cộng và Xây dựng Hải Phòng đã được sửa đổi, bổ sung và thông qua Đại hội đồng cổ đông ngày 22/4/2022.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho Điều lệ của Công ty Cổ phần Công trình công cộng và Xây dựng Hải Phòng thông qua Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ I ngày 15/5/2015.

Điều 3. Các ông (bà) Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Trưởng ban Kiểm soát, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng, Ban Quản lý, Xí nghiệp, các đội sản xuất có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (để thi hành);
- Lưu TC-HC.



Phạm Văn Hùng

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ trong Điều lệ

Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây:

1. “Công ty” là Công ty Cổ phần Công trình công cộng và Xây dựng Hải Phòng.

2. “Vốn điều lệ” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán các loại và quy định tại Điều 6 của Điều lệ này.

3. “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020.

4. “Ngày thành lập” là ngày Công ty được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

5. “Người điều hành doanh nghiệp” là thành viên Hội đồng quản trị; Tổng giám đốc; Phó Tổng giám đốc; Trưởng Ban Kiểm soát; Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn.

6. “Người có quan hệ gia đình” bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng”.

7. “Cổ đông” là bất kỳ tổ chức, cá nhân đăng ký tên trong sổ đăng ký cổ đông của Công ty với tư cách là người sở hữu một phần hoặc nhiều cổ phần của Công ty.

8. “Cổ đông phổ thông” là cá nhân sở hữu cổ phần phổ thông.

9. “Pháp luật có liên quan” là các quy định thuộc hệ thống văn bản pháp luật của Nhà nước, có đối tượng và phạm vi điều chỉnh phù hợp với ngữ cảnh được nhắc tới trong các điều, khoản của Điều lệ này.

10. “Người đại diện theo ủy quyền” là cá nhân được cổ đông ủy quyền bằng văn bản thực hiện các quyền của mình tại Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

11. Các từ ngữ đã được giải thích tại Luật Doanh nghiệp nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

12. Tiêu đề các chương, điều trong Điều lệ này được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

13. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một văn bản hoặc văn bản nội bộ của Công ty sẽ bao gồm cả những văn bản sửa đổi hoặc thay thế.

Chương II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG, ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên và trụ sở của Công ty

1. Tên Công ty:

- Tên công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VÀ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG.**

- Tên công ty bằng tiếng nước ngoài: **HAI PHONG PUBLIC WORKS AND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY.**

- Tên Công ty viết tắt: **HAPUCO.**

2. Địa chỉ trụ sở chính của Công ty: Số 1235, phố Trần Nhân Tông, phường Văn Đẩu, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

- Điện thoại: (0225) 3876.865

- Fax: (0225) 3578.181

- Địa chỉ trang thông tin điện tử: Hapuco.com.vn

3. Hội đồng quản trị Công ty quyết định việc lập hay hủy bỏ chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quy định của pháp luật.

Điều 3. Hình thức pháp lý và thời hạn hoạt động của Công ty.

1. Công ty được thành lập và đăng ký kinh doanh, có các quyền, nghĩa vụ của công ty cổ phần, có tư cách pháp nhân theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

2. Thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu tính từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và là vô hạn. Việc chấm dứt hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định hoặc theo quy định của pháp luật.

Chương III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu; ngành nghề kinh doanh; phạm vi hoạt động của Công ty

1. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

Không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh và dịch vụ, đáp ứng nhiệm vụ dịch vụ công ích: Quản lý các hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị, đảm bảo vệ sinh môi trường trên địa bàn được giao; tổ chức thực hiện các ngành nghề đã đăng ký kinh doanh. Tối đa hoá lợi nhuận, đảm bảo quyền lợi của các cổ đông; cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập cho người lao động; làm tròn nghĩa vụ thu nộp ngân sách Nhà nước và sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

2. Nguyên tắc hoạt động:

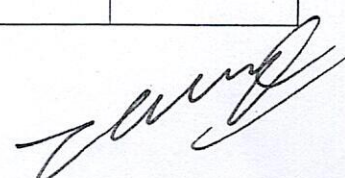
Công ty hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ, công khai, minh bạch và tôn trọng pháp luật.

3. Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Xây dựng nhà để ở	4101
2	Xây dựng nhà không để ở	4102
3	Xây dựng công trình đường sắt	4211
4	Xây dựng công trình đường bộ	4212
5	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn nhựa đường, nhũ tương	4661
6	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, khu công nghiệp	4293
7	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, khu đô thị, hạ tầng kỹ thuật đô thị	4299
8	Xây dựng công trình công ích khác Chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị: đường, hè, biển báo giao thông, biển tên đường phố, ngõ, vườn hoa, công viên, cây xanh ven đường, đài tưởng niệm liệt sĩ, nghĩa trang nhân dân, công trình vệ sinh công cộng.	4229 (chính)
9	Phá dỡ	4311

STT	Tên ngành	Mã ngành
10	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: San lấp mặt bằng	4312
11	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống tưới và điều hòa không khí Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước (bao gồm cống hộp, cống tròn, rãnh hở, mương tiêu thoát nước thải, hồ điều hòa, cống ngăn triều, ga thăm)	4322
12	Hoàn thiện công trình xây dựng Chi tiết: Trang trí nội, ngoại thất	4330
13	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt biển báo hiệu giao thông, biển tên đường phố, ngõ.	4329
14	Lắp đặt hệ thống điện. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng công cộng, hệ thống điện dân dụng và công nghiệp dưới 35KV	4321
15	Thu gom rác thải không độc hại.	3811
16	Thu gom rác thải độc hại.	3812
17	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại.	3821
18	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại.	3822
19	Tái chế phế liệu Chi tiết: Tái chế phế liệu và xử lý chất thải rắn.	3830
20	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa Chi tiết: Trồng hoa	0118
21	Trồng cây lâu năm khác Chi tiết: Trồng cây cảnh (bao gồm cây xanh, thảm cỏ)	0129
22	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
23	Khai thác đá, cát sỏi, đất sét	0810
24	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
25	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
26	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
27	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn quặng kim loại, sắt, thép.	4662

STT	Tên ngành	Mã ngành
28	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến, xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, vécni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, hàng kim khí; Bán buôn cấu kiện bê tông đúc sẵn, giàn giáo, cốp pha, bó vữa, đan rãnh, cọc tiêu, móc chỉ giới, cột điện hạ thế, bia mộ, các loại cổng tròn bê tông đúc sẵn	4663
29	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	4669
	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt Chi tiết: Thông hút bể phốt	8129
30	Vệ sinh chung nhà cửa Chi tiết: Vệ sinh nhà cửa	8121
31	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thiết kế các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, thủy lợi, giao thông; Tư vấn giám sát các công trình dân dụng và công nghiệp, thủy lợi, giao thông; Hoạt động đo đạc bản đồ; Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước.	7110
32	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
33	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ nội thất tương tự	4649
34	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
35	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
36	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện Chi tiết: Sản xuất sản phẩm từ lâm sản (trừ gỗ), cói và vật liệu tết bện; sản xuất sản phẩm gỗ công nghiệp và dân dụng	1629
37	Sản xuất giường, tủ, bàn ghế	3100
38	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa	8299
39	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
40	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (trừ quầy bar)	5610



STT	Tên ngành	Mã ngành
41	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn	5510
42	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (không bao gồm cung ứng và quản lý nguồn lao động cho các tổ chức có chức năng xuất khẩu lao động)	7830
43	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính); Cho thuê máy móc, thiết bị cơ khí; Cho thuê máy móc, thiết bị sản xuất đồ gỗ, đồ nội thất	7730
44	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn nhựa đường, nhũ tương	4661
45	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
46	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652

4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.

a) Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ phù hợp với quy định của pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

b) Công ty có thể tiến hành những hình thức kinh doanh khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Chương IV TỔ CHỨC ĐẢNG, ĐOÀN THỂ

Điều 5. Tổ chức Đảng, đoàn thể

1. Các tổ chức chính trị, Chính trị - xã hội trong Công ty hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước Việt Nam và theo Điều lệ của tổ chức đó phù hợp với quy định của luật pháp.

2. Công ty tôn trọng và tạo điều kiện thuận lợi để người lao động tham gia vào các tổ chức chính trị - xã hội và hoạt động theo những quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng các quy chế theo quy định của pháp luật để Hội đồng quản trị thông qua: Quy chế tuyển dụng lao động; tổ chức cán bộ; trả lương, thưởng; thực hiện quy chế dân chủ; Thỏa ước lao động tập thể; Nội quy lao động chi tiêu nội bộ; kỷ luật, sa thải; thi đua khen thưởng... đối với người lao động và người quản lý của doanh nghiệp.

4. Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng đề Hội đồng quản trị thông qua về Quy chế phối hợp giữa Hội đồng quản trị, Đảng ủy, Công đoàn và các tổ chức đoàn thể trong Công ty theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất và theo quy định pháp luật hiện hành.

5. Đảng ủy lãnh đạo Công ty thông qua đảng viên trong Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, các đoàn thể chính trị, đảng viên và quần chúng.

Chương V

VỐN ĐIỀU LỆ - CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU - CỔ ĐÔNG

MỤC 1: VỐN ĐIỀU LỆ

Điều 6. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ công ty được góp bằng đồng Việt Nam (VNĐ).

Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng (*Mười tỷ đồng chẵn*).

2. Điều chỉnh vốn điều lệ:

a) Ngoài vốn điều lệ ban đầu, Công ty được quyền huy động vốn để phát triển sản xuất kinh doanh và tự chịu trách nhiệm về việc huy động vốn theo quy định của pháp luật. Tùy theo tình hình cụ thể của từng thời kỳ hoạt động, vốn điều lệ của Công ty được điều chỉnh lại để đáp ứng nhu cầu vốn kinh doanh và đảm bảo quyền lợi của các cổ đông;

b) Đại hội đồng cổ đông quyết định việc tăng, giảm vốn điều lệ theo quy định của pháp luật và Công ty đăng ký lại vốn điều lệ với cơ quan có thẩm quyền cấp đăng ký kinh doanh.

3. Không được sử dụng Vốn điều lệ để chia cổ tức, phân phối hoặc phân tán tài sản cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định sửa đổi Điều lệ Công ty, thu hẹp quy mô sản xuất kinh doanh hoặc trường hợp chia tài sản của Công ty khi giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật.

MỤC 2: CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU

Điều 7. Cổ phần

1. Vào ngày thông qua điều lệ này, vốn điều lệ Công ty được chia thành 1.000.000 cổ phần, mỗi cổ phần trị giá là 10.000 VNĐ.

Công ty chỉ có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ thông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Cổ phần: Tất cả các cổ phần do Công ty phát hành đều là cổ phần phổ thông, kể cả cổ phần do nhà nước nắm giữ.

3. Cổ phần phổ thông: Là cổ phần bắt buộc phải có của Công ty cổ phần. Người sở hữu cổ phần phổ thông được gọi là cổ đông phổ thông.

Điều 8. Cổ phiếu

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty cổ phần phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó.

2. Công ty phát hành 02 loại chứng chỉ cổ phiếu:

a) Chứng chỉ cổ phiếu ghi danh: Là cổ phiếu thuộc chủ sở hữu cổ đông là nhà nước.

b) Chứng chỉ cổ phiếu không ghi danh:

- Cổ phiếu phát hành cho các cổ đông không phải là các đối tượng được quy định tại khoản 7 Điều này.

- Cổ phiếu phát hành thêm khi Công ty cần tăng vốn điều lệ.

3. Mọi chứng chỉ cổ phiếu phát hành phải được đóng dấu Công ty và có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và các quy định khác tại Luật Doanh nghiệp. Chứng chỉ này nêu rõ số lượng và loại cổ phần có liên quan, số tiền đã thanh toán, họ và tên người nắm giữ (*nếu là cổ phiếu ghi danh*) và các thông tin khác theo quy định tại Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

4. Trường hợp chuyển nhượng một số cổ phần trong một chứng chỉ cổ phiếu, chứng chỉ cũ sẽ bị hủy bỏ và chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại và chứng chỉ cổ phiếu mới sẽ được cấp miễn phí.

5. Nếu một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác thì mọi chứng chỉ cổ phiếu mới được ghi nhận số cổ phần tương ứng sẽ được cấp cho người nắm giữ theo yêu cầu của người đó với điều kiện phải xuất trình giấy tờ, chứng minh thư nhân dân và thanh toán mọi chi phí liên quan cho việc cấp mới lại chứng chỉ, trường hợp bị mất thì phải cam đoan

rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả Công ty để tiêu hủy.

6. Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu không ghi danh phải chịu trách nhiệm độc lập về việc bảo quản chứng chỉ và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong mọi trường hợp những chứng chỉ này bị mất cắp hoặc sử dụng với mục đích lừa đảo.

7. Căn cứ các quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật về chứng khoán, Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh, không theo hình thức chứng chỉ và cho phép các cổ phần *(bất kể là cổ phần có phát hành dưới dạng này hay không)* được chuyển nhượng theo quy định của Luật Chứng khoán. Hoặc tùy từng thời điểm Hội đồng quản trị có thể ra các quyết định trong Điều lệ này về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần.

Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên 10.000.000 đ (Mười triệu đồng) VNĐ, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật Công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau 15 ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị Công ty cấp cổ phiếu mới.

Điều 9. Chào bán cổ phần

1. Chào bán cổ phần là việc Công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ.

2. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo một trong các hình thức sau đây:

- a) Chào bán cho các cổ đông hiện hữu;
- b) Chào bán ra công chúng;
- c) Chào bán cổ phần riêng lẻ.

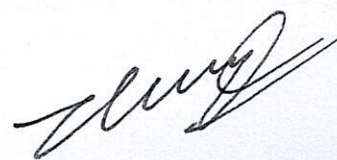
3. Chào bán cổ phần ra công chúng, chào bán cổ phần của công ty cổ phần niêm yết và đại chúng thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán.

4. Chào bán cổ phần riêng lẻ:

a) Việc chào bán cổ phần riêng lẻ thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về chào bán cổ phần riêng lẻ;

b) Thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ bao gồm các nội dung sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Tổng số cổ phần dự định chào bán; các loại cổ phần chào bán và số lượng cổ phần chào bán mỗi loại;
- Thời điểm, hình thức chào bán cổ phần;



- Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty;

5. Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu

a) Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu là trường hợp Công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán toàn bộ số cổ phần đó cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Công ty.

- Công ty phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên lạc của họ trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 ngày trước ngày kết thúc thời hạn đăng ký mua cổ phần;

- Thông báo phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số cổ phần và tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại Công ty; tổng số cổ phần dự kiến chào bán và số cổ phần cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua cổ phần do công ty phát hành. Trường hợp phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về Công ty đúng hạn như thông báo thì cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua;

- Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác.

b) Trường hợp số lượng cổ phần dự kiến chào bán không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì Hội đồng quản trị có quyền bán số cổ phần được quyền chào bán còn lại đó cho cổ đông của Công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán.

c) Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông, kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của Công ty.

d) Sau khi cổ phần được thanh toán đầy đủ, Công ty phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. Công ty có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu. Trường hợp này, các thông tin về cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh nghiệp được ghi vào sổ đăng ký cổ đông để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong Công ty.

Điều 10. Bán cổ phần

Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:

1. Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;
2. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty;
3. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
4. Trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Điều 11. Chuyển nhượng cổ phần

1. Cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120 Luật Doanh nghiệp.

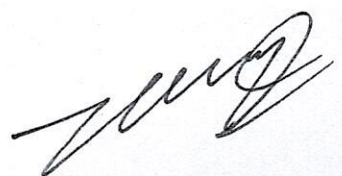
2. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký (theo mẫu của công ty quy định). Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Công ty phải đăng ký thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Cổ phần chưa thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức.

3. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Công ty.

4. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.



5. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 122 Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

6. Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

a) Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;

b) Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại Điểm c, Khoản này;

c) Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong công ty. Trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty.

Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

7. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông.

a) Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này;

b) Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm a, khoản 7 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu

cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

8. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị được quyền chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật chứng khoán hoặc các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Điều 12. Thừa kế cổ phần

1. Công ty tôn trọng quyền thừa kế của cổ đông. Cổ đông được thừa kế theo Bộ luật Dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trường hợp có nhiều người cùng thừa kế cổ phần thì phải cử đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục công chứng thư. Công ty không giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa những người thừa kế.

2. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của Công ty.

3. Trường hợp không xác định được người thừa kế hợp pháp sau 02 năm kể từ ngày cổ đông qua đời, cổ phần của họ sẽ được thu hồi và trở thành tài sản của Công ty. Cổ phần này được Công ty giữ làm cổ phiếu ngân quỹ và có thể được Hội đồng quản trị chào bán theo hình thức được Đại hội đồng cổ đông cho phép. Hội đồng quản trị quyết định giá trị của những cổ phần này theo giá thị trường.

MỤC 3: CỔ ĐÔNG

Điều 13. Cổ đông

1. Cổ đông là những người chủ sở hữu của Công ty có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu, trách nhiệm của mỗi cổ đông được giới hạn theo tỷ lệ cổ phần mà cổ đông nắm giữ. Tất cả cổ đông của Công ty đều là cổ đông phổ thông.

2. Cổ đông được công nhận chính thức khi đã đóng đủ tiền mua cổ phần và được ghi tên vào sổ đăng ký cổ đông lưu trữ tại Công ty.

3. Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (sau đây gọi tắt là người đại diện), là cá nhân được Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng (chủ sở hữu) ủy quyền bằng văn bản để thực hiện quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với cổ phần nhà nước tại doanh nghiệp.

Người đại diện được ủy quyền để thực hiện quyền, trách nhiệm của chủ sở hữu nhà nước, có trách nhiệm tuân thủ pháp luật, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cổ đông theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ của Công ty.

Điều 14. Sổ đăng ký cổ đông

1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Công ty không đăng ký cổ đông sáng lập.

2. Sổ đăng ký cổ đông phải có đầy đủ nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
- b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
- d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh thư nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp đối với cổ đông là cá nhân; tên; mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
- đ) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. Trường hợp cổ đông thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

4. Công ty phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan theo quy định tại Điều lệ công ty

Điều 15. Quyền của cổ đông Công ty

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:

a) Tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc theo hình thức khác do pháp luật, Điều lệ công ty quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120 và khoản 1 Điều 127 của Luật Doanh nghiệp;

d) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết, yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

f) Khi công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty, nhưng chỉ sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ theo quy định của pháp luật hiện hành.

g) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 của Luật Doanh nghiệp;

h) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và của pháp luật.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền sau đây:

a) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;

b) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

b) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã

số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

6. Quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 16. Nghĩa vụ của cổ đông.

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ công ty và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty